

Số: /2026/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**THÔNG TƯ**

Quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc phải thường trực 24/24 giờ trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải, phân phối điện

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc phải thường trực 24/24 giờ trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải, phân phối điện.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc phải thường trực 24/24 giờ trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải, phân phối điện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động thực hiện các công việc phải thường trực 24/24 giờ trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải, phân phối điện.

2. Người lao động trực tiếp sản xuất làm các công việc phải thường trực 24/24 giờ trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải, phân phối điện, cụ thể như sau:

a) Điều độ viên các cấp, trực ban vận hành các cấp;

b) Trưởng ca, Trưởng kíp, Trưởng khối, công nhân vận hành thiết bị trong nhà máy điện;

c) Công nhân quản lý, vận hành lưới điện (đường dây và trạm biến áp) cao, trung, hạ thế;

d) Công nhân sửa chữa, thí nghiệm thiết bị điện, đo lường, điều khiển, tự động;

đ) Kỹ sư vận hành hệ thống SCADA, Kỹ sư vận hành viễn thông dùng riêng, Kỹ sư giám sát an ninh bảo mật, Kỹ sư kỹ thuật SOC, Kỹ sư trực ca Năng lượng tái tạo, Kỹ sư Điều hành giao dịch thị trường điện;

e) Nhân viên y tế;

g) Điện thoại viên;

h) Nhân viên bảo vệ;

i) Nhân viên phòng cháy, chữa cháy.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ca làm việc: là khoảng thời gian làm việc của người lao động từ khi bắt đầu nhận nhiệm vụ cho đến khi kết thúc và bàn giao nhiệm vụ cho người khác, bao gồm cả thời gian làm việc và thời gian nghỉ giữa giờ.

2. Phiên làm việc: là khoảng thời gian người lao động làm việc và nghỉ ngơi liên tục tại địa điểm làm việc, được tính từ khi người lao động có mặt tại địa điểm làm việc đến khi kết thúc nhiệm vụ và rời khỏi địa điểm làm việc, không bao gồm thời gian đi đường.

Chương II

THỜI GIỜ LÀM VIỆC, THỜI GIỜ NGHỈ NGƠI

Mục 1. Thời giờ làm việc

Điều 4. Thời giờ làm việc

Người lao động được bố trí làm việc theo phiên và ca làm việc, cụ thể như sau:

1. Ca làm việc không quá 12 giờ trong 01 ngày;
2. Phiên làm việc tối đa không quá 7 ngày liên tục.

Điều 5. Làm thêm giờ

1. Thời gian làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài ca làm việc quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Tổng số giờ làm việc của ca làm việc và số giờ làm thêm của người lao động không quá 14 giờ trong 01 ngày; số giờ làm thêm của người lao động không quá 300 giờ trong 01 năm.

3. Việc tổ chức làm thêm giờ phải được sự đồng ý của người lao động và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

4. Việc tổ chức làm thêm giờ trong trường hợp đặc biệt tuân thủ quy định tại Điều 108 Bộ luật Lao động.

Mục 2. Thời giờ nghỉ ngơi

Điều 6. Thời giờ nghỉ ngơi

1. Sau mỗi ca làm việc, người lao động được bố trí nghỉ liên tục tối thiểu 10 giờ trước khi bắt đầu ca làm việc mới.

2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm bố trí thời gian nghỉ giải lao giữa giờ làm việc, tính vào thời giờ làm việc, trong đó tổng thời gian nghỉ giữa giờ làm việc tối thiểu 60 phút và phải đảm bảo được nghỉ giữa giờ ít nhất 30 phút liên tục, làm việc ban đêm thì được nghỉ giữa giờ ít nhất 45 phút liên tục.

3. Ngoài thời gian nghỉ giữa ca làm việc, sau mỗi phiên làm việc, người lao động làm việc theo phiên được bố trí nghỉ liên tục tối thiểu với số ngày bằng với số ngày làm việc trong phiên làm việc trước đó.

Điều 7. Nghỉ hằng năm; nghỉ lễ, tết; nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương

1. Ngoài thời gian nghỉ sau phiên làm việc quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này, người lao động được nghỉ hằng năm theo quy định tại Điều 113 và Điều 114 Bộ luật Lao động.

2. Người lao động được bố trí nghỉ lễ, tết; nghỉ việc riêng, nghỉ không hưởng lương theo quy định tại Điều 112 và Điều 115 Bộ luật Lao động.

3. Trong trường hợp ngày nghỉ lễ, tết trùng với phiên làm việc, người lao động được thanh toán tiền làm thêm giờ phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Trách nhiệm của người sử dụng lao động

1. Người sử dụng lao động quyết định áp dụng thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi bình thường hoặc thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi quy định tại Thông tư này hoặc kết hợp cả thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi bình thường và thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi quy định tại Thông tư này. Khi áp dụng thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi quy định tại Thông tư này thì người sử dụng lao động phải thống nhất với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở và thông báo với Sở Công Thương và Sở Nội vụ địa phương.

2. Người sử dụng lao động có trách nhiệm quy định cụ thể ca làm việc, phiên làm việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của người lao động trong Nội quy lao động và thông báo cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TCCB, PC.

Nguyễn Sinh Nhật Tân